TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 84/2022/HNGĐ-ST	
Ngày: 21-3-2022	
V/v: Tranh chấp ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa pH tòa: Bà Vũ TH Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Thoại

Ông Nguyễn Viết Tuấn

- Thư ký pH tòa: Ông Lưu Đình Tuấn - Thư ký TAND huyện K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia pH toà: Bà Vũ Thị NH - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp *"*Xin ly hôn*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXX-ST ngày 14 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn pH tòa số 09/2022/QĐ – HPT ngày 27 tháng 01 năm 2022; Quyết định số 15/2022/ QĐ – HPT ngày 25 tháng 02 năm 2022, giữa:

****Nguyên đơn*: Anh Lý Văn An**, sinh năm 1979; HKTT: Thôn L, xã X, huyện K, TP Hà Nội; Nơi ở hiện tại: Phòng x, nhà D15, khu đô thị X, xã X, huyện K, TP Hà Nội. Nghề nghiệp: công chức. "Có mặt"

****Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị H,** sinh năm 1983; HKTT: Thôn L, xã X, huyện K, Hà Nội. Nơi cư trú: Phòng 213, nhà D17, khu đô thị X, xã X, huyện K, TP Hà Nội; "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/6/2021, các L khai tại Tòa án trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại pH tòa, nguyên đơn anh Lý Văn An trình bày: Tôi và chị Nguyễn Thị H có tìm hiểu nhau khoảng 04 tháng rồi đi đến kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 02 năm 2008 tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chuyển về sinh sống cùng bố mẹ tôi tại Ga L, xã L, huyện L, tỉnh Hưng Yên. Ngay sau khi kết hôn, vợ chồng tôi đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tôi và chị H bất đồng trong quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, chị H thường có lối hành xử hiếu thắng, làm gì cũng phăng phăng, vô lối, có thể có gì không vừa lòng là chị H nằm đắp chăn mặc kệ,

dù là dâu trưởng nhưng 03 năm nay chị H không thăm gia đình bên nội, sau ngày cưới vợ chồng cũng có cãi nhau, chị H cầm nhẫn cưới ném luôn đi, đó là những mà tôi phải chịu đựng suốt nhiều năm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau khi chung sống. Tuy nH, hồi đó con tôi vẫn còn nhỏ nên tôi và chị H đã ngồi lại với nhau để tìm ra cách giải quyết các mâu thuẫn nên tình trạng mâu thuẫn đã được cải thiện phần nào. Đến năm 2014 vợ chồng tôi chuyển lên sinh sống tại khu đô thị X, xã X, huyện K, TP Hà Nội. Trong quá trình sinh sống tại đây vợ chồng tôi lại bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có sự Ca sẻ, cảm thông trong cuộc sống với nhau nên tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Khoảng tháng 5/2017 thì vợ chồng tôi sống ly thân mặc dù sống chung nhà nhưng mỗi người một phòng không ai quan tâm đến ai, vợ chồng không sinh hoạt sinh lý từ đó cho đến nay. Đến tháng 03/2021 do mâu thuẫn trầm trọng tôi chuyển ra sinh sống tại phòng x, nhà D15, khu đô thị X, xã X, huyện K, TP Hà Nội để ăn ở và sinh sống, vợ chồng tôi ly thân từ đó cho đến nay. Trong quá trình ly thân, tôi và chị H không liên lạc, không quan tâm đến nhau và vợ chồng không cùng nhau tìm cách để giải quyết các mâu thuẫn, vì bản thân tôi rất mệt mỏi trong quan hệ này. Nay, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Tôi và chị Nguyễn Thị H có 02 con chung tên Lý Đức B, sinh ngày 09/12/2008 và Lý Lan C, sinh ngày 15/8/2012. Khi ly hôn nếu các con có nguyện vọng muốn ở với chị H thì tôi cũng đồng ý giao hai con cho chị H chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị H không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con và nuôi con, từ khi tôi ra ngoài sinh sống, mỗi tháng tôi vẫn chuyển khoản 10.000.000 đồng để chị H nuôi con. Nay nếu Tòa án giao 2 con cho chị H, tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng/1 tháng/2 cháu kể từ tháng 3/2022 đến khi các con lần lượt trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại pH tòa. Quá trình chuẩn bị xét xử, chị H trình bày: chị và anh An yêu thương và tự nguyện kết hôn năm 2008. Trong thời gian chung sống, tôi có 02 con chung là cháu B và cháu An. Gia đình chúng tôi sống hạnh phúc đầm ấm bên nhau. Thời gian gần do tình hình dịch bệnh nên vợ chồng chị hơi xa cách nhau, nên khi nhận được giấy của Tòa tôi rất sốc khi yêu cầu ly hôn của chồng, tôi và anh An không có mâu thuẫn, đánh nhau, xô xát trong cuộc sống hàng ngày. Tôi rất yêu thương chồng, tôi luôn cố gắng nhận việc trách nhiệm trong gia đình để anh An yên tâm công tác, phấn đấu phát triển sự nghiệp. Mong muốn của tôi và các con là muốn vợ chồng tôi đoàn tụ, cùng nhau xây dựng một gia đình hạnh phúc, có đủ cha mẹ, vì mẹ con tôi rất yêu thương chồng tôi. Vợ chồng không ly thân. Về con chung, chúng tôi có 02 con chung tên Lý Đức B sinh ngày 09/12/2008 và Lý Lan C sinh ngày 15/8/2012, hiện hai cháu đang sống cùng

tôi, tôi có nguyện vọng hòa giải đoàn tụ nên chưa có quan điểm về việc nuôi con chung. Tài sản chung và nợ chung tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại pH tòa phát biểu ý kiến: Tòa án huyện K thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán tiến hành tố tụng, xác định quan hệ pháp luật đúng; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án tại pH tòa đúng quy định của pháp luật, đảm bảo đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng; Nguyên đơn chấp hành pháp luật; bị đơn không chấp hành pháp luật. Về ý kiến giải quyết vụ án: Anh An và chị H có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nH, do anh An và chị H trong cuộc sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn vì vậy đã không còn chung sống với nhau từ tháng 03/2021 đến nay là vi phạm Điều 19, 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh An, cho anh An được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh An và chị H có 02 con chung tên Lý Đức B, sinh ngày 09/12/2008 và Lý Lan C, sinh ngày 15/8/2012 hiện đang ở cùng chị H. Do hai cháu B và cháu C có nguyện vọng được ở với chị H, anh An cũng nhất trí để chị H nuôi 02 con khi ly hôn, anh An tự nguyện cấp dưỡng 10.000.000 đồng/tháng/2 cháu, nên đề nghị HĐXX giao cháu B và cháu C cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh An cho chị H mỗi tháng 10.000.000 đồng/1 tháng/2 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới.

Về tài sản chung các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí, đề nghị HĐXX áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Nhận định về tố tụng:

- Về thẩm quyền loại việc của Tòa án: Anh An có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án.

- Về thẩm quyền theo lãnh thổ và cấp Tòa án: Tòa án cấp huyện có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS, bị đơn cư trú tại xã X, huyện K, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, TAND huyện K thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo lãnh thổ và cấp Tòa án.

[2]. Nhận định về việc xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H: Chị H đã có đơn xin hoãn pH tòa từ ngày 19/3/2022 và vắng mặt tại pH tòa lần này là lần thứ 2. Đơn xin hoãn pH tòa vì sức khỏe chưa hồi phục hoàn toàn, chưa ổn định nên mọi

quyết định đều không đúng đắn và sáng suốt. Xét thấy, chị H nhập viện do bị rối loạn chức năng tiền đình, đã được ra viện ngày 15/3/2022, chị H không có chỉ định của bác sỹ cho nghỉ làm việc, nên xin hoãn pH tòa vì lý do vì sức khỏe là không chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, HĐXX quyết định tục xét xử vắng mặt chị H là có căn cứ.

[3]. Nhận định về tình cảm: Anh Lý Văn An và chị Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn ngày 18/02/2008 tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Hưng Yên, đã xuất trình bản sao giấy chứng nhận kết hôn, đủ cơ sở kết luận đây là hôn nhân hợp pháp.

- Xét về mâu thuẫn vợ chồng: Anh An trình bày mâu thuẫn là do anh và chị H bất đồng trong quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, cụ thể là chị H hiếu thắng, phăng phăng, hành xử vô lối, không quan tâm đến gia đình chồng 3 năm nay, vợ chồng đã ly thân từ tháng 03/2021 đến nay. Chị H trình bày vợ chồng không mâu thuẫn, còn hạnh phúc. Tuy nH, ông Lý Duy Thu là bố đẻ anh An trình bày mâu thuẫn của anh An chị H như thế nào ông không chứng kiến, chỉ được nghe anh An kể lại chị H có vứt nhẫn cưới đi, vợ chồng khắc khẩu, từ tháng 01/2021 anh An đã ra ngoài ở riêng cho đến nay. Bà Ngô Thị Đoài mẹ chị H trình bày là từ tháng 03/2021 đến nay chị H và anh An đã ly thân với nhau, tôi hỏi chị H thì chị H không nói lý do, tôi hỏi anh An thì anh An nói vợ chồng không hợp nhau. Từ đó có căn cứ khẳng định anh An và chị H đã sống ly thân nhau từ tháng 3/2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai, chị H và anh An đều vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên cho anh An được ly hôn với chị H là có căn cứ.

[4]. Nhận định về con chung vợ chồng: Anh An và chị H có 02 con chung tên Lý Đức B, sinh ngày 09/12/2008 và Lý Lan C, sinh ngày 15/8/2012.

- Xét giao con sau khi ly hôn: Hiện nay, cháu B và cháu C đang sống cùng với chị H, tình tiết này các đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh. Các cháu có nguyện vọng ở với chị H. Anh An cũng nhất trí. Xét về điều kiện nuôi con của chị H, do chị H không trình bày, không xuất trình tài liệu chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con. Tại pH tòa, anh An tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng/tháng/2 cháu, xét các cháu đang ở với chị H tại nhà đất của vợ chồng anh An chị H tại khu đô thị X, có nơi sinh sống ổn định, nên sau khi ly hôn giao 2 con cho chị H tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho 2 cháu là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh Lý Văn An cho chị Nguyễn Thị H mỗi tháng 10.000.000 đồng/1 tháng/2 cháu kể từ tháng 03/2022 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới.

- Về con nuôi, con riêng: Anh An trình bày không có, không yêu cầu, Tòa án không xem xét.

[4]. Nhận định về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh An và chị H không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Nhận định về án phí

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Yêu cầu xin ly hôn của Lý Văn An được chấp nhận, anh An phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí về cấp dưỡng*:* Trường hợp này các đương sự không thỏa thuận về cấp dưỡng, anh An tự nguyện cấp dưỡng và Tòa án quyết định nên anh An phải chịu án phí cấp dưỡng theo điểm đ khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326 về án lệ phí Tòa án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, Điều 227, khoản 4 Điều 147, các Điều 271, 272, 273, 277 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lý Văn An đối với chị Nguyễn Thị H. Xử cho anh Lý Văn An được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Anh Lý Văn An và chị Nguyễn Thị H có 02 con chung tên Lý Đức B, sinh ngày 09/12/2008 và Lý Lan C, sinh ngày 15/8/2012. Khi ly hôn, giao cháu B và cháu C cho chị H được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu B, cháu C đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lý Văn An cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị H mỗi tháng 10.000.000 đồng/2 cháu kể từ tháng 03/2022 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới.

Anh Lý Văn An có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh Lý Văn An và chị Nguyễn Thị H không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lý Văn An phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh An đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0072652 ngày 18/6/2021 tại C cục Thi hành án dân sự huyện K, nay phải nộp thêm 300.000 đồng án phí.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho anh An có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND h. K;
- VKSND TP Hà Nội
- C cục THADS h. K;
- TANDTP. Hà Nội;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng;
- UBND xã L, huyện L, tỉnh Hưng Yên (ĐKKH: Số 248, quyển số 01, ngày 18/02/2008).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PH TOÀ

Vũ TH Hương